

Một số cập nhật quan trọng trong Thông tư số 99/2025/TT-BTC về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam



Nguyễn Địch Dũng

Giám đốc

Bộ phận Kiểm Toán và Đảm bảo
Grant Thornton Việt Nam



Đặng Ngô San Tùng

Giám đốc

Bộ phận Kiểm Toán và Đảm bảo
Grant Thornton Việt Nam



Nguyễn Công Vinh

Giám đốc

Bộ phận Giải pháp Doanh nghiệp
Grant Thornton Việt Nam

Nội dung

01

Giới thiệu tổng quan

02

Chứng từ và sổ Kế Toán

03

Hệ thống tài khoản Kế Toán

04

Hướng dẫn hạch toán Kế Toán

05

Báo cáo Tài Chính



Giới thiệu tổng quan và quy định chung

Phạm vi điều chỉnh và Đối tượng áp dụng



Thông tư hướng dẫn về chứng từ kế toán, tài khoản kế toán, ghi sổ kế toán, lập BCTC. Việc xác định nghĩa vụ thuế với NSNN thực hiện theo pháp luật thuế.



Thông tư áp dụng cho các doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực, mọi thành phần kinh tế, lưu ý đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Các doanh nghiệp vừa và nhỏ, cơ sở ngoài công lập, các đơn vị kế toán khác được lựa chọn áp dụng TT này nhưng phải thực hiện nhất quán tối thiểu trong một kỳ kế toán năm và khi thay đổi CĐKT thì phải trình bày lại số liệu, thông tin so sánh và thuyết minh BCTC như khi thay đổi chính sách kế toán.





Công tác quản trị và kiểm soát nội bộ



Việc tạo lập, thực hiện, quản lý và kiểm soát các giao dịch kinh tế phát sinh của DN phải tuân thủ quy định của pháp luật, cơ chế chính sách có liên quan.



DN có trách nhiệm tự xây dựng quy chế quản trị nội bộ (hoặc các tài liệu tương đương) và tổ chức kiểm soát nội bộ nhằm phân định rõ quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của các bộ phận và cá nhân có liên quan đến việc tạo lập, thực hiện, quản lý và kiểm soát các giao dịch kinh tế phát sinh tại DN, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật DN và pháp luật có liên quan.

Đơn vị tiền tệ trong Kế toán và thay đổi đơn vị tiền tệ trong Kế toán

1. Đơn vị tiền tệ trong kế toán thực hiện theo quy định của Luật kế toán.

2. Hướng dẫn rõ hơn các tiêu chí ưu tiên khi lựa chọn đơn vị tiền tệ trong kế toán của doanh nghiệp:

- Đơn vị tiền tệ ảnh hưởng chính đến giá bán hàng hoá, dịch vụ (thường là đơn vị tiền tệ dùng để niêm yết giá bán hàng hóa, dịch vụ và thanh toán);
- Đơn vị tiền tệ ảnh hưởng chính đến chi phí nhân công, chi phí NVL, chi phí SXKD và thường là đơn vị tiền tệ dùng để thanh toán các chi phí đó;
- Đơn vị tiền tệ sử dụng để huy động các nguồn lực tài chính (đơn vị tiền tệ sử dụng khi phát hành công cụ nợ, công cụ vốn,...);
- Đơn vị tiền tệ thường xuyên thu được từ các hoạt động kinh doanh và được sử dụng để tích trữ.



Đơn vị tiền tệ trong Kế toán và thay đổi đơn vị tiền tệ trong Kế toán (tiếp)

3. Thay đổi đơn vị tiền tệ:

- Doanh nghiệp không được thay đổi đơn vị tiền tệ đã chọn trừ khi có sự **thay đổi lớn** về hoạt động quản lý và kinh doanh và việc thay đổi này chỉ được thực hiện tại thời điểm bắt đầu niên độ kế toán mới.

4. Tỷ giá hối đoái khi thay đổi đơn vị tiền tệ:

- Báo cáo tình hình tài chính: Tỷ giá mua bán CK trung bình của NHTM nơi DN thường xuyên có giao dịch tại ngày thay đổi đơn vị tiền tệ.
- Thông tin so sánh trên BCKQKD và BCLCTT: Tỷ giá mua bán CK trung bình của NHTM nơi DN thường xuyên có giao dịch kỳ trước liền kề với kỳ thay đổi.
- Doanh nghiệp phải thuyết minh lý do thay đổi đơn vị tiền tệ trong kế toán và những ảnh hưởng đối với BCTC do việc thay đổi



Đơn vị tiền tệ trong Kế toán và thay đổi đơn vị tiền tệ trong Kế toán (tiếp)

5. Chuyển đổi BCTC sang VND

- ✓ Tài sản và nợ phải trả được quy đổi ra VND **theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình** tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán;
- ✓ Vốn chủ sở hữu (vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn, vốn khác, quyền chọn chuyển đổi trái phiếu) được quy đổi ra VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày góp vốn;
- ✓ Chênh lệch đánh giá lại tài sản được quy đổi ra VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày đánh giá;
- ✓ LNSTCPP, **các quỹ trích từ LNSTCPP phát sinh trong từng kỳ** được quy đổi ra VND bằng cách tính toán theo các khoản mục của P/L;
- ✓ Các khoản mục thuộc P/L và BCLCTT được quy đổi ra VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch hoặc **tỷ giá bình quân kỳ kế toán (nếu lựa chọn)**;
- ✓ Chênh lệch tỷ giá phát sinh khi chuyển đổi Báo cáo tài chính được lập bằng ngoại tệ ra Đồng Việt Nam được ghi nhận trên chỉ tiêu “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc phần vốn chủ sở hữu.

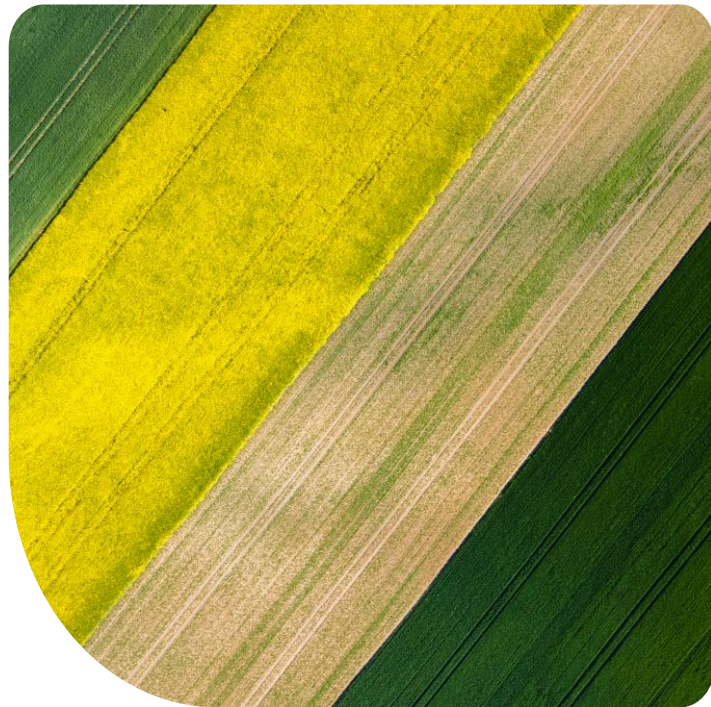
Tổ chức BMKT & công tác kế toán tại đơn vị trực thuộc

1. Đơn vị trực thuộc là đơn vị phụ thuộc theo pháp luật doanh nghiệp.
2. Doanh nghiệp được quyết định công tác kế toán cho các đơn vị trực thuộc phù hợp với đơn vị và không trái quy định của pháp luật.
3. Nguyên tắc tổ chức BMKT và công tác hạch toán kế toán tại đơn vị trực thuộc:
 - ❖ DN được quyết định ghi nhận khoản vốn cấp cho đơn vị trực thuộc, ghi nhận/không ghi nhận doanh thu, giá vốn khi luân chuyển SP, HH, DV trong nội bộ mà không phụ thuộc vào hoá đơn;
 - ❖ DN được quyết định cho đơn vị trực thuộc lập/không lập BCTC nhưng phải đảm bảo BCTC của DN khi nộp cho CQ có thẩm quyền hoặc công khai đều phải gồm thông tin tài chính của cả trụ sở chính và các đơn vị trực thuộc.



Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01/01/2026, thay thế các Thông tư số 200/2014/TT- BTC (trừ nội dung về kế toán CPH DNNN), Thông tư số 75/2015/TT-BTC, Thông tư số 53/2016/TT- BTC và Thông tư số 195/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 hướng dẫn kế toán áp dụng cho đơn vị chủ đầu tư.



Điều khoản chuyển tiếp



1. Thay đổi chính sách kế toán do áp dụng lần đầu các quy định của pháp luật mà đã có các hướng dẫn chuyển đổi cụ thể (áp dụng PP điều chỉnh hồi tố, hồi tố đơn giản hoặc phi hồi tố) thì thực hiện theo hướng dẫn đó.
- ❖ Phương pháp điều chỉnh hồi tố đơn giản là phương pháp không trình bày lại số liệu so sánh từ kỳ đầu tiên bị ảnh hưởng mà tính toán ảnh hưởng lũy kế tại ngày đầu tiên của kỳ kế toán lần đầu áp dụng chính sách kế toán mới và điều chỉnh các khoản mục về tài sản, công nợ tương ứng vào LNSTCPP hoặc các khoản mục khác trong vốn chủ sở hữu tại ngày đầu tiên của kỳ kế toán áp dụng chính sách kế toán mới.
 - ❖ DN phải thực hiện việc thay đổi chính sách kế toán do áp dụng lần đầu các quy định của pháp luật mà không có quy định phải điều chỉnh hồi tố, hồi tố đơn giản thì được áp dụng phương pháp điều chỉnh phi hồi tố chính sách kế toán đó.

Điều khoản chuyển tiếp (tiếp)



Doanh nghiệp là nhà đầu tư mua trái phiếu có phát sinh các khoản chiết khấu hoặc phụ trội nếu đến thời điểm thông tư này có hiệu lực thi hành mà trái phiếu chưa đến thời hạn thì được lựa chọn áp dụng phương pháp điều chỉnh hồi tố hoặc điều chỉnh hồi tố đơn giản để kế toán các khoản chiết khấu, phụ trội cho BCTC kỳ đầu tiên áp dụng thông tư này.

Điều khoản chuyển tiếp (tiếp)



Đơn vị có chênh lệch tỷ giá phát sinh khi chuyển đổi đơn vị tiền tệ ghi sổ kế toán là VNĐ sang một đơn vị tiền tệ ghi sổ khác và ngược lại đã được phản ánh trên sổ dư Có hoặc sổ dư Nợ TK 412 và trình bày trên BCĐKT thì kết chuyển sổ dư Có hoặc sổ dư Nợ TK 412 sang TK 4211 đồng thời phải trình bày rõ trên Bản TMBCTC về lý do và những ảnh hưởng đối với BCTC.



3. Khi thông tư này có hiệu lực thi hành mà doanh nghiệp đang trích trước CPSC LTSCĐ nhưng hoạt động sửa chữa chưa được thực hiện thì không tiếp tục trích trước. Khi hoạt động sửa chữa được thực hiện thì kết chuyển chi phí thực tế phát sinh với số đã trích trước, số chênh lệch phân bổ dần vào chi phí từng kỳ.

Tuân thủ chứng từ và sổ kế toán



Chứng từ và sổ kế toán của DN phải được thực hiện theo đúng quy định của Luật Kế toán, các văn bản hướng dẫn Luật Kế toán và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.



DN được thiết kế thêm, sửa đổi, bổ sung biểu mẫu chứng từ và sổ kế toán so với hướng dẫn tại Thông tư nhưng phải tuân thủ Luật Kế toán và ban hành **Quy chế hạch toán kế toán/tài liệu tương đương** để làm cơ sở thực hiện.



DN không thiết kế thêm hoặc sửa đổi, bổ sung thì áp dụng hệ thống chứng từ và sổ kế toán hướng dẫn tại Thông tư này.

Quy trình lập, ký và kiểm soát chứng từ kế toán



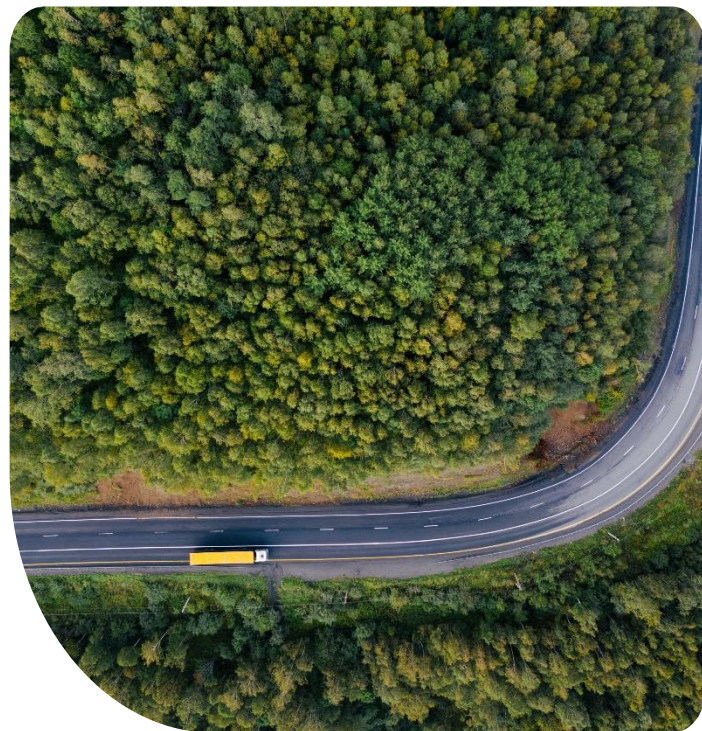
Việc lập, ký chứng từ kế toán thực hiện theo Luật Kế toán và các văn bản hướng dẫn.



Việc DN phân cấp ký trên chứng từ kế toán phải phù hợp với quy định của pháp luật, yêu cầu quản lý và quy chế quản trị nội bộ để đảm bảo kiểm soát chặt chẽ, an toàn tài sản, nguồn vốn của DN và xác định trách nhiệm cá nhân liên quan.



Kế toán trưởng hoặc người được ủy quyền không được ký "thừa ủy quyền" chức danh người quản lý trên chứng từ kế toán, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.



Quản lý Tài khoản Kế toán

Quy trình lập, ký và kiểm soát chứng từ kế toán



DN được sửa đổi, bổ sung về tên, số hiệu, kết cấu và nội dung phản ánh của các TKKT nhưng phải ban hành **Quy chế hạch toán kế toán/tài liệu tương đương** để làm cơ sở thực hiện;

Yêu cầu bắt buộc trước khi thực hiện thay đổi TKKT.



Quy chế phải nêu rõ sự cần thiết và trách nhiệm của DN trước pháp luật về các nội dung sửa đổi, bổ sung.

Quy định minh bạch trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp.

Quy trình lập, ký và kiểm soát chứng từ kế toán



DN không sửa đổi, bổ sung về tên, số hiệu, kết cấu và nội dung phản ánh của các TKKT thì áp dụng hệ thống TKKT theo Thông tư này

Quy định áp dụng hệ thống TKKT như trong Thông tư



Thông tư chỉ hướng dẫn về nội dung và phương pháp kế toán một số nghiệp vụ chính

Hạn chế phạm vi hướng dẫn của Thông tư



DN căn cứ vào bản chất giao dịch và các quy định liên quan để xử lý các nghiệp vụ chưa được hướng dẫn

Doanh nghiệp tự xử lý theo bản chất giao dịch



Một số thay đổi về tài khoản Kế toán

- ❶ Bỏ một số TK: 1385, 161, 461, 418, 441, 466, 611,...

Liệt kê các tài khoản bị loại bỏ khỏi hệ thống
- ❷ Không quy định TK chi tiết của một số TK
111, 112, 113, 121, 153, 156, 211, 213, 3431,...

Một số tài khoản chỉ còn ghi chung, không có TK chi tiết
- ❸ Bổ sung thêm một số TKKT: 1383, 215, 2295, 332, 2413, 2414, 82111, 82112,...

Thêm các tài khoản kế toán mới vào hệ thống
- ❹ Đổi tên một số TKKT: 112, 158, 242, 3387, 419, 4112, 3562, 244,...

Cập nhật tên gọi cho một số tài khoản kế toán
- ❺ Về một số thay đổi hạch toán kế toán: (ghi chú tiếp theo trên slide)
Chi tiết thay đổi hạch toán sẽ nêu ở slide sau

	TT200			TT99			Lưu ý
Số	SỐ HIỆU TK		TÊN TÀI KHOẢN	SỐ HIỆU TK		TÊN TÀI KHOẢN	
TT	Cấp 1	Cấp 2		Cấp 1	Cấp 2		
1	2	3	4	5	6	7	8
1	111		Tiền mặt	111		Tiền mặt	x
		1111	Tiền Việt Nam				Không còn tk chi tiết
		1112	Ngoại tệ				Không còn tk chi tiết
		1113	Vàng tiền tệ				Không còn tk chi tiết
2	112		Tiền gửi Ngân hàng	112		Tiền gửi không kỳ hạn	Đổi tên
		1121	Tiền Việt Nam				Không còn tk chi tiết
		1122	Ngoại tệ				Không còn tk chi tiết
		1123	Vàng tiền tệ				Không còn tk chi tiết
3	113		Tiền đang chuyển	113		Tiền đang chuyển	x
		1131	Tiền Việt Nam				Không còn tk chi tiết
		1132	Ngoại tệ				Không còn tk chi tiết
4	121		Chứng khoán kinh doanh	121		Chứng khoán kinh doanh	x
		1211	Cổ phiếu				Không còn tk chi tiết
		1212	Trái phiếu				Không còn tk chi tiết
		1218	Chứng khoán và công cụ tài chính khác				Không còn tk chi tiết
13	153		Công cụ, dụng cụ	153		Công cụ, dụng cụ	x
		1531	Công cụ, dụng cụ				Không còn tk chi tiết
		1532	Bao bì luân chuyển				Không còn tk chi tiết
		1533	Đồ dùng cho thuê				Không còn tk chi tiết
		1534	Thiết bị, phụ tùng thay thế				Không còn tk chi tiết
15	155		Thành phẩm	155		Sản phẩm	x
		1551	Thành phẩm nhập kho				Không còn tk chi tiết

		1557	Thành phẩm bất động sản				Không còn tk chi tiết
16	156		Hàng hóa	156		Hàng hóa	x
		1561	Giá mua hàng hóa				Không còn tk chi tiết
		1562	Chi phí thu mua hàng hóa				Không còn tk chi tiết
		1567	Hàng hóa bất động sản				Không còn tk chi tiết
18	158		Hàng hoá kho bảo thuế	158		Nguyên liệu, vật tư tại kho bảo thuế	Đổi tên
19	161		Chi sự nghiệp				Bỏ tk
		1611	Chi sự nghiệp năm trước				Bỏ tk
		1612	Chi sự nghiệp năm nay				Bỏ tk
21	211		Tài sản cố định hữu hình	211		Tài sản cố định hữu hình	x
		2111	Nhà cửa, vật kiến trúc				Không còn tk chi tiết
		2112	Máy móc, thiết bị				Không còn tk chi tiết
		2113	Phương tiện vận tải, truyền dẫn				Không còn tk chi tiết
		2114	Thiết bị, dụng cụ quản lý				Không còn tk chi tiết
		2115	Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm				Không còn tk chi tiết
		2118	TSCĐ khác				Không còn tk chi tiết
22	212		Tài sản cố định thuê tài chính			Tài sản cố định thuê tài chính	x
		2121	TSCĐ hữu hình thuê tài chính.	212			Không còn tk chi tiết
		2122	TSCĐ vô hình thuê tài chính.				Không còn tk chi tiết
23	213		Tài sản cố định vô hình	213		Tài sản cố định vô hình	x
		2131	Quyền sử dụng đất				Không còn tk chi tiết
		2132	Quyền phát hành				Không còn tk chi tiết
		2133	Bản quyền, bằng sáng chế				Không còn tk chi tiết
		2134	Nhãn hiệu, tên thương mại				Không còn tk chi tiết
		2135	Chương trình phần mềm				Không còn tk chi tiết

		2136	Giấy phép và giấy phép nhượng quyền				Không còn tk chi tiết
		2138	TSCĐ vô hình khác				Không còn tk chi tiết
				215		Tài sản sinh học	Bổ sung tài khoản mới
					2151	Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ	Bổ sung tài khoản mới
					21511	<i>Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ chưa đạt đến giai đoạn trưởng thành</i>	Bổ sung tài khoản mới
					21512	<i>Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ đạt đến giai đoạn trưởng thành</i>	Bổ sung tài khoản mới
					215121	<i>Nguyên giá</i>	Bổ sung tài khoản mới
					215122	<i>Giá trị khấu hao lũy kế</i>	Bổ sung tài khoản mới
					2152	Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần	Bổ sung tài khoản mới
					2153	Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần	Bổ sung tài khoản mới
29	229		Dự phòng tổn thất tài sản	229		Dự phòng tổn thất tài sản	x
					2295	Dự phòng tổn thất tài sản sinh học	Bổ sung tài khoản mới
30	241		Xây dựng cơ bản dở dang	241		Xây dựng cơ bản dở dang	x
		2413	Sửa chữa lớn TSCĐ		2413	Sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ TSCĐ	Đổi tên
					2414	Nâng cấp, cải tạo TSCĐ	Bổ sung tài khoản mới
31	242		Chi phí trả trước	242		Chi phí chờ phân bổ	Đổi tên
33	244		Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	244		Ký quỹ, ký cược	Đổi tên

				332		Phải trả cổ tức, lợi nhuận	Bổ sung tài khoản mới
36	334		Phải trả người lao động	334		Phải trả người lao động	x
		3341	Phải trả công nhân viên				Không còn tk chi tiết
		3348	Phải trả người lao động khác				Không còn tk chi tiết
39	337		Thanh toán theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	337		Thanh toán theo tiến độ hợp đồng xây dựng	Đổi tên
40	338		Phải trả, phải nộp khác	338		Phải trả, phải nộp khác	x
		3385	Phải trả về cổ phần hoá				Bỏ tk
		3387	Doanh thu chưa thực hiện		3387	Doanh thu chờ phân bổ	Đổi tên
42	343		Trái phiếu phát hành	343		Trái phiếu phát hành	x
		34311	Mệnh giá trái phiếu				Không còn tk chi tiết
		34312	Chiết khấu trái phiếu				Không còn tk chi tiết
		34313	Phụ trội trái phiếu				Không còn tk chi tiết
45	352		Dự phòng phải trả	352		Dự phòng phải trả	x
		3524	Dự phòng phải trả khác				Bỏ tk
					3525	Dự phòng phải trả khác	Bổ sung tài khoản mới
47	356		Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	356		Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	x
		3562	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ đã hình thành TSCĐ		3562	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ đã hình thành tài sản	Đổi tên
49	411		Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		Vốn đầu tư của chủ sở hữu	x
		4112	Thặng dư vốn cổ phần		4112	Thặng dư vốn	Đổi tên
51	413		Chênh lệch tỷ giá hối đoái	413		Chênh lệch tỷ giá hối đoái	x
		4131	Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ				Không còn tk chi tiết

		4132	Chênh lệch tỷ giá hối đoái trong giai đoạn trước hoạt động				Không còn tk chi tiết
53	417		Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp				Bỏ tk
55	419		Cổ phiếu quỹ	419		Cổ phiếu mua lại của chính mình	Đổi tên
57	441		Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản				Bỏ tk
58	461		Nguồn kinh phí sự nghiệp				Bỏ tk
		4611	Nguồn kinh phí sự nghiệp năm trước				Bỏ tk
		4612	Nguồn kinh phí sự nghiệp năm nay				Bỏ tk
59	466		Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ				Bỏ tk
60	511		Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511		Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	x
		5111	Doanh thu bán hàng hóa				Không còn tk chi tiết
		5112	Doanh thu bán các thành phẩm				Không còn tk chi tiết
		5113	Doanh thu cung cấp dịch vụ				Không còn tk chi tiết
		5114	Doanh thu trợ cấp, trợ giá				Không còn tk chi tiết
		5117	Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư				Không còn tk chi tiết
		5118	Doanh thu khác				Không còn tk chi tiết
62	521		Các khoản giảm trừ doanh thu	521		Các khoản giảm trừ doanh thu	x
		5211	Chiết khấu thương mại				Không còn tk chi tiết
		5212	Giảm giá hàng bán				Không còn tk chi tiết
		5213	Hàng bán bị trả lại				Không còn tk chi tiết
63	611		Mua hàng				Bỏ tk

		6111	Mua nguyên liệu, vật liệu				Bổ tk
		6112	Mua hàng hóa				Bổ tk
66	623		Chi phí sử dụng máy thi công	623		Chi phí sử dụng máy thi công	x
		6232	Chi phí nguyên, vật liệu		6232	Chi phí vật liệu	Đổi tên
67	627		Chi phí sản xuất chung	627		Chi phí sản xuất chung	x
		6272	Chi phí nguyên, vật liệu		6272	Chi phí vật liệu	Đổi tên
					6275	Thuế, phí, lệ phí	Bổ sung tài khoản mới
68	631		Giá thành sản xuất				Bổ tk
71	641		Chi phí bán hàng	641		Chi phí bán hàng	x
		6415	Chi phí bảo hành		6415	Thuế, phí, lệ phí	Đổi tên
75	821		Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	821		Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	x
		8211	Chi phí thuế TNDN hiện hành		8211	Chi phí thuế TNDN hiện hành	x
					82111	<i>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	Bổ sung tài khoản mới
					82112	<i>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu</i>	Bổ sung tài khoản mới
		8212	Chi phí thuế TNDN hoãn lại		8212	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	x

Hạch toán một số nghịệp vụ kế toán

Kế toán chênh lệch tỷ giá hối đoái

TT200/2014/TT-BTC

Tỷ giá mua **hoặc** tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại, tùy thuộc vào bản chất của giao dịch

Áp dụng tỷ giá ghi sổ (bình quân gia quyền)

Áp dụng tỷ giá ghi sổ (thực tế đích danh)

Tỷ giá mua hoặc tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại tại ngày báo cáo

Tỷ giá thực tế

**Hạch toán các khoản chi
tiền bằng ngoại tệ**

**Khi thanh toán hay
thu tiền bằng ngoại tệ**

Đánh giá lại số dư

TT99/2025/TT-BTC

- tỷ giá **mua bán chuyển khoản trung bình** của ngân hàng thương mại, hoặc

- **Tỷ giá xấp xỉ** là tỷ giá chênh lệch không vượt quá $\pm 1\%$ so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại

Áp dụng tỷ giá **giao dịch thực tế** hoặc tỷ giá ghi sổ

Áp dụng tỷ giá ghi sổ (thực tế đích danh) **hoặc tỷ giá thực tế** nếu dùng tỷ giá này để quy đổi tài khoản tiền

tỷ giá **mua bán chuyển khoản trung bình** của ngân hàng thương mại tại ngày báo cáo

Kế toán Tiền và Chứng khoán kinh doanh

TT200/2014/TT-BTC

Trình bày ở tiền và tương đương tiền, yêu cầu thuyết minh

Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán; Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác.

Ghi nhận theo **Giá gốc (Cost)**, bao gồm chi phí giao dịch

Tính vào **Giá gốc (Cost)**.

Áp dụng **Bình quân gia quyền di động**

Không có hướng dẫn

Tiền bị phong tỏa, bị hạn chế sử dụng

Phạm vi chứng khoán kinh doanh

Ghi nhận ban đầu

Các chi phí giao dịch

Tính giá vốn khi chuyển nhượng

Tái phân loại

TT99/2025/TT-BTC

Trình bày ở **tài sản khác** phù hợp với thời gian bị hạn chế sử dụng

Minh họa cụ thể hơn các công cụ tài chính khác (chứng chỉ quỹ, quyền mua cổ phần, chứng quyền, quyền chọn mua, quyền chọn bán, hợp đồng tương lai, thương phiếu, hối phiếu)

Ghi nhận theo **Giá trị hợp lý (Fair Value)** của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch

Hạch toán vào **chi phí tài chính trong kỳ**

Được lựa chọn **Bình quân gia quyền** hoặc **Nhập trước xuất trước**

không được tái phân loại chứng khoán kinh doanh thành khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và ngược lại.

Kế toán Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (tài khoản 1281, 1282, 1283, 1288)

TT200/2014/TT-BTC

- Ghi nhận theo **mệnh giá**.
- Lãi nhận trước (nếu có) thì treo ở khoản doanh thu chưa thực hiện (3387)

Ghi nhận theo **Phương pháp đường thẳng** (phân bổ từ 3387 nếu nhận lãi trước)

Chưa có hướng dẫn cụ thể cho trường hợp trái phiếu có **chiết khấu, phụ trội**

Nguyên tắc ghi nhận

Ghi nhận lãi định kỳ

Trái phiếu có chiết khấu/phụ trội

TT99/2025/TT-BTC

Theo **số tiền thực chi** (lãi nhận trước, chiết khấu, phụ trội được điều chỉnh trực tiếp khi ghi nhận ban đầu, **không ghi nhận 3387**)

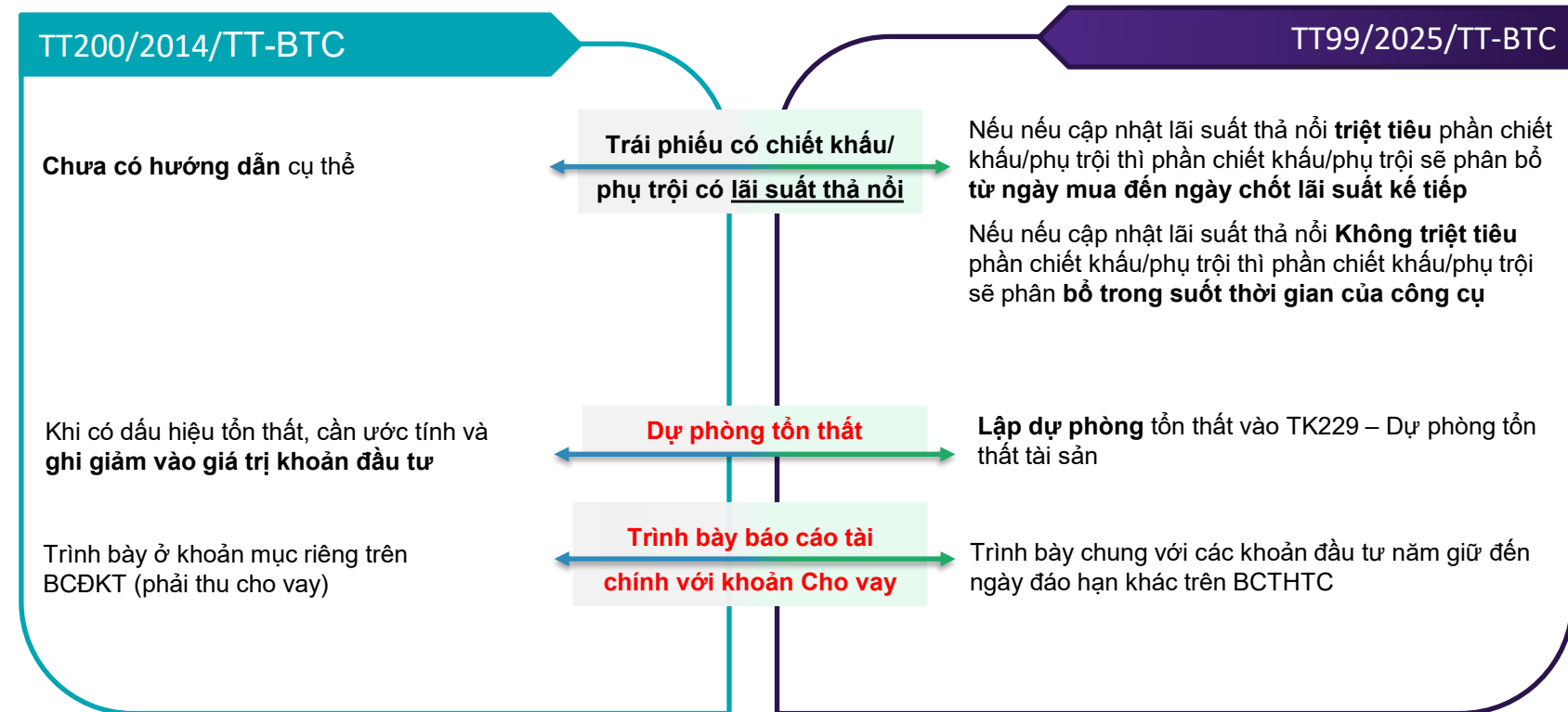
Ghi tăng 128 ứng với lãi danh nghĩa (hoặc lãi nhận trước) + chiết khấu (hoặc - phụ trội) theo 1 trong 2 Phương pháp:

- ✓ Phương pháp đường thẳng
- ✓ **Phương pháp lãi suất thực** (lưu ý thuế hoãn lại)

Nếu phụ trội phân bổ > lãi hàng kỳ thì ghi nhận vào chi phí tài chính.

Kế toán Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

(tài khoản 1281, 1282, 1283, 1288) (tiếp theo)



Kế toán Đầu tư vào đơn vị khác

TT200/2014/TT-BTC

Ghi nhận **theo giá trị hợp lý** tại ngày sáp nhập

Có nêu về các trường hợp nắm giữ trên và dưới 50% quyền biểu quyết

tại ngày **được quyền nhận**

Ghi nhận vào các **tài khoản vốn chủ sở hữu** (TK 4111, 4112) tại thời điểm quyết định/phát hành cổ phiếu thưởng

Ghi nhận tài sản, nợ của công ty con khi sáp nhập

Về quyền biểu quyết thực chất

Thời điểm ghi nhận cổ tức, lợi nhuận được chia

Trả cổ tức bằng cổ phiếu đối với bên nhận đầu tư

TT99/2025/TT-BTC

Mẹ và con đều chịu sự kiểm soát chung:

- **Có:** ghi nhận **theo giá trị ghi sổ**
- **Không:** ghi nhận **theo giá trị hợp lý**

Nêu rõ hơn và có hướng dẫn doanh nghiệp phải căn cứ vào tình hình thực tế để xem xét, đánh giá thực chất

- Các đơn vị đã đăng ký, lưu ký tập trung: **ngày đăng ký cuối cùng**
- Các đơn vị còn lại xác định **theo quy định của Luật doanh nghiệp**

(Với bên nhận đầu tư: ghi nhận cổ tức phải trả tại thời điểm **không có quyền từ chối chi trả**)

Ghi tăng vốn khác khi quyết định/phát hành cổ phiếu thưởng và ghi nhận tăng vốn chủ sở hữu khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Kế toán Hàng tồn kho

TT200/2014/TT-BTC

Yêu cầu **phân bổ giá mua** cho sản phẩm nhận kèm theo giá trị hợp lý

Kèm với điều kiện **phải mua hàng**: phân bổ tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mại, giá trị hàng khuyến mại tính vào giá vốn

Nếu **không yêu cầu** phải mua hàng: ghi nhận giá trị hàng khuyến mãi vào chi phí bán hàng

FIFO, Bình quân, Thực tế đích danh

Gồm Vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế có thời gian dự trữ trên 12 tháng

Mua HTK được nhận kèm thêm mặt hàng khác

Trường hợp bán hàng có tặng hàng kèm theo

Phương pháp tính giá xuất kho

Phân loại Hàng tồn kho dài hạn

TT99/2025/TT-BTC

Bổ sung trường hợp không cần phân bổ nếu doanh nghiệp **không tách riêng những hàng đi kèm** này để **sử dụng, biếu, tặng hoặc bán**

Bổ sung trường hợp xuất HTK để khuyến mại, quảng cáo nhưng **bản chất giá bán sản phẩm chính không thay đổi** cho dù khách hàng có nhận hay không hàng tặng kèm → ghi nhận giá trị hàng khuyến mãi vào chi phí bán hàng

Bổ sung thêm phương pháp **giá bán lẻ** và phương pháp **chi phí chuẩn**

Bổ sung sản phẩm, chi phí dở dang có thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Kế toán Tài sản cố định (TSCĐ)

TT200/2014/TT-BTC

Phải xác định và **ghi nhận riêng** sản phẩm, phụ tùng, thiết bị thay thế **theo giá trị hợp lý**

Xác định nguyên giá của TSCĐ **theo giá mua trả tiền ngay** tại thời điểm mua

Chênh lệch giữa giá mua trả chậm và giá mua trả tiền ngay (lãi trả chậm/trả góp) **treo ở 242 và phân bổ** định kỳ

Ghi tăng TSCĐ và thu nhập khác

Chỉ nêu về khái niệm và cách nhận diện HĐ thuê tài chính

Mua TSCĐ được nhận
kèm thêm vật tư phụ tùng

Nguyên giá TSCĐ trả
chậm, trả góp

Lãi mua TSCĐ trả chậm,
trả góp

TSCĐ được biếu tặng,
tài trợ

TSCĐ thuê tài chính

TT99/2025/TT-BTC

Bổ sung trường hợp TB, PTTT chuyên dùng để dự phòng trường hợp TSCĐ chính bị hỏng đột ngột và **chỉ có thể** sử dụng gắn liền với TSCĐ chính thì không phải ghi nhận riêng

Bổ sung trường hợp Khi hợp đồng không nêu rõ Lãi suất, nếu thời hạn trả chậm, trả góp **trên 12 tháng** thì bắt buộc phải tách riêng phần lãi trả chậm, trả góp

Không dùng 242 mà chỉ ghi nhận phải lãi trả chậm tương ứng hàng kỳ

Chỉ ghi tăng TSCĐ và thu nhập khác nếu **không kèm điều kiện** và không thuộc trường hợp ghi tăng vốn (từ cấp có thẩm quyền).

Nếu kèm theo điều kiện thì ghi nhận vào tài khoản 3387 và kết chuyển vào thu nhập khác **khi hoàn thành điều kiện**

Nhấn mạnh việc Việc phân loại thuê tài sản là thuê tài chính hay thuê hoạt động phải căn cứ vào bản chất các điều khoản ghi trong hợp đồng

Kế toán Bất động sản đầu tư (BĐSDT)

TT200/2014/TT-BTC

Nguyên giá của TSCĐ **theo giá mua trả tiền ngay** tại thời điểm mua. Chênh lệch giữa giá mua trả chậm và giá mua trả tiền ngay (lãi trả chậm/trả góp) **treo ở 242 và phân bổ** định kỳ

Chưa nói rõ trường hợp BĐSĐT nắm giữ chờ tăng giá nhưng lại đang cho thuê

Đối với BĐSĐT nắm giữ chờ tăng giá, nếu giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc, ghi giảm nguyên giá BĐSĐT và ghi nhận tổn thất vào Giá vốn hàng bán

Phân bổ số tiền nhận trước theo thời gian thuê, nếu thỏa một số điều kiện cụ thể có thể **ghi nhận doanh thu 1 lần** tại thời điểm nhận tiền

Phản ánh Doanh thu và Giá vốn từ thanh lý BĐSĐT vào doanh thu và giá vốn trong kỳ

Mua BĐSĐT trả chậm, trả góp

Khấu hao BĐSĐT

Tổn thất BĐSĐT

Cho thuê BĐSĐT nhận trước tiền cho nhiều kỳ

Trình bày doanh thu từ BĐSĐT trên BCTC

TT99/2025/TT-BTC

Không dùng 242 mà chỉ ghi nhận phải lãi trả chậm tương ứng hàng kỳ

Nêu rõ BĐSĐT đang cho thuê thì phải khấu hao

Bổ sung quy định về **hoàn nhập phần giảm giá** khi có bằng chứng tin cậy về việc khoản giảm giá BĐSĐT nắm giữ chờ tăng giá không còn

Doanh nghiệp phải thực hiện việc phân bổ số tiền cho thuê nhận trước phù hợp với thời gian cho thuê (không đề cập đến việc ghi nhận 1 lần)

Chỉ phản ánh phần lãi/lỗ từ bán bất động sản đầu tư vào chỉ tiêu 21: **“Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư”**

Kế toán Xây dựng cơ bản dở dang (XDCB)

TT200/2014/TT-BTC

Chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật cho Tài Sản

Hoàn thành đưa vào sử dụng thì ghi tăng nguyên giá theo giá tạm tính **căn cứ vào chi phí thực tế đã bỏ ra**, sau đó điều chỉnh theo giá quyết toán.

Phân bổ chi phí sửa chữa lớn sau khi phát sinh; **hoặc** được trích trước chi phí sửa chữa cho năm kế hoạch hoặc một số năm tiếp theo;

Nguyên tắc vốn hóa
XDCB vào TSCĐ, BĐSĐT

Ghi nhận dự án hoàn thành
nhưng chưa quyết toán

Chi phí sửa chữa định kỳ
(không phải thường xuyên)

TT99/2025/TT-BTC

Làm rõ hơn: là những chi phí cần thiết và không thể tránh được, và quá trình xây dựng **không bị gián** đoạn một cách bất thường do chậm triển khai hoặc chậm tiến độ so với thời gian xây dựng dự kiến

Làm rõ hơn: hoàn thành đưa vào trạng thái có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của doanh nghiệp thì ghi tăng theo giá tạm tính căn cứ vào chi phí thực tế đã phát sinh, **chi phí ước tính chắc chắn sẽ phải bỏ ra**

Không còn được trích trước vào chi phí (trừ trường hợp phát sinh nghĩa vụ), chỉ ghi nhận chi phí sửa chữa **phát sinh** vào chi phí chờ phân bổ và phân bổ định kỳ

Kế toán hợp đồng hợp tác kinh doanh

1. Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát hoặc không được đồng kiểm soát bởi các bên tham gia hợp đồng.
2. Hợp đồng BCC có thể được thực hiện dưới hình thức cùng nhau xây dựng tài sản hoặc hợp tác trong một số hoạt động kinh doanh. Các bên tham gia trong BCC có thể thỏa thuận chia doanh thu, chia sản phẩm hoặc chia LNST theo kết quả của hoạt động BCC hoặc chia lợi ích cố định không phụ thuộc vào kết quả hoạt động của BCC.
3. Trong mọi trường hợp, khi nhận tiền, tài sản của các bên khác đóng góp cho BCC, bên nhận phải kế toán là nợ phải trả (TK338), không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu.
4. Doanh nghiệp cần căn cứ vào điều khoản, bản chất của hợp đồng BCC để xác định doanh nghiệp có quyền đồng kiểm soát hay không đồng kiểm soát đối với hợp đồng BCC để thực hiện hạch toán kế toán cho phù hợp.



Kế toán hợp đồng hợp tác kinh doanh (tiếp)

5. Kế toán đối với bên có quyền đồng kiểm soát BCC

5.1. Đối với BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát

- a) Các bên tham gia BCC được ghi nhận phần giá trị tài sản đồng kiểm soát mà mình được hưởng là tài sản trên Báo cáo tài chính của đơn vị mình.
- b) Các bên tham gia BCC phải mở sổ kế toán chi tiết trên cùng hệ thống sổ Kế Toán của mình để ghi chép và phản ánh trong BCTC của mình những nội dung sau đây:
 - ✓ Phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát, phân loại theo tính chất của tài sản;
 - ✓ Các khoản nợ phải trả phát sinh riêng của mỗi bên tham gia góp vốn vào BCC;
 - ✓ Phần nợ phải trả phát sinh chung mà các bên tham gia BCC phải gánh chịu từ hoạt động của BCC;
 - ✓ Các khoản thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ BCC;
 - ✓ Các khoản chi phí phát sinh liên quan đến việc góp vốn vào BCC.



Kế toán hợp đồng hợp tác kinh doanh (tiếp)

5.2. Đối với BCC dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

- a) Hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát là hoạt động hợp tác kinh doanh không thành lập một cơ sở kinh doanh mới. Các bên tham gia BCC có nghĩa vụ và được hưởng quyền lợi theo thỏa thuận trong hợp đồng. Hoạt động của BCC được các bên góp vốn thực hiện cùng với các hoạt động kinh doanh thông thường khác của từng bên.
- b) Hợp đồng hợp tác kinh doanh quy định các khoản chi phí phát sinh riêng cho hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát do mỗi bên tham gia BCC bỏ ra thì bên đó phải gánh chịu. Đối với các khoản chi phí chung (nếu có) thì căn cứ vào các thỏa thuận trong hợp đồng để phân chia cho các bên góp vốn.
- c) Các bên tham gia BCC phải mở sổ kế toán để ghi chép và phản ánh trong Báo cáo tài chính của mình các nội dung sau đây:
 - ✓ Tài sản góp vốn vào hợp đồng BCC và chịu sự kiểm soát của bên góp vốn vào BCC;
 - ✓ Các khoản nợ phải trả phải gánh chịu;
 - ✓ Doanh thu được chia từ việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ của BCC;
 - ✓ Chi phí phải gánh chịu.



Kế toán hợp đồng hợp tác kinh doanh (tiếp)

5.3. Đối với BCC dưới hình thức chia lợi nhuận sau thuế

- a) Hợp đồng BCC trong trường hợp này quy định các bên tham gia chỉ được phân chia lợi nhuận nếu kết quả hoạt động của BCC có lãi, đồng thời phải gánh chịu lỗ nếu kết quả hoạt động của BCC bị lỗ. Các bên phải cử ra một bên để kế toán toàn bộ các giao dịch của BCC, ghi nhận doanh thu, chi phí, theo dõi riêng kết quả kinh doanh của BCC và phát hành hóa đơn, khai thuế theo quy định của hợp đồng và pháp luật thuế.
- b) Bên kế toán và quyết toán thuế cho BCC ghi nhận toàn bộ doanh thu, chi phí phát sinh của BCC vào sổ kế toán các tài khoản liên quan để làm căn cứ đối chiếu, xác định doanh thu, chi phí tính thuế của BCC. Tuy nhiên, chỉ những khoản doanh thu, chi phí tương ứng với phần doanh nghiệp được hưởng hoặc gánh chịu mới được ghi nhận và trình bày vào các chỉ tiêu doanh thu, chi phí liên quan trên Báo cáo kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.
- c) Các bên tham gia hợp đồng BCC thực hiện quy định về kế toán tương tự như trường hợp hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát.

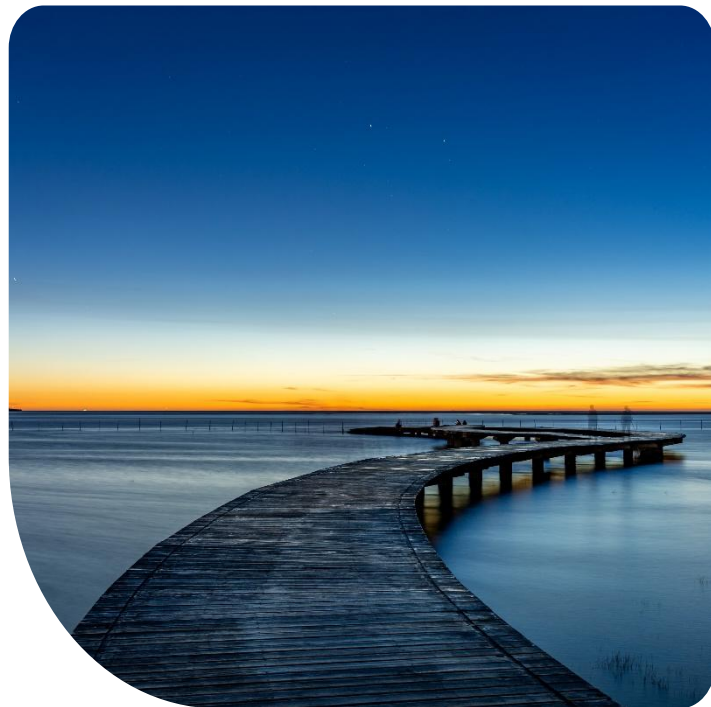


Kế toán hợp đồng hợp tác kinh doanh (tiếp)

6. Đối với bên không có quyền đồng kiểm soát BCC

- Trường hợp hợp đồng BCC quy định các bên tham gia được hưởng lợi ích phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của BCC thì các khoản góp vốn vào hợp đồng BCC và các khoản lợi ích mà nhà đầu tư nhận được từ hợp đồng BCC được thực hiện như hướng dẫn tại TK 2281 – Đầu tư vào đơn vị khác;
- Trường hợp hợp đồng BCC quy định các bên tham gia được hưởng lợi ích cố định mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của BCC thì bên kế toán cho BCC và các bên tham gia BCC tùy theo bản chất của hợp đồng là thuê tài sản hay đi vay để hạch toán kế toán cho phù hợp.

7. Doanh nghiệp phải thuyết minh về các hợp đồng BCC chiếm tỷ trọng trên 10% giá trị các hợp đồng BCC trên BCTC.



Kế toán chi phí chờ phân bổ

1. Sửa đổi, bổ sung về nội dung chi phí chờ phân bổ:

- Không ghi nhận là chi phí chờ phân bổ (ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ) đối với chi phí thành lập doanh nghiệp; chi phí quảng cáo, đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước hoạt động; các khoản lãi vay, lãi trái phiếu trả ngay khi phát hành;
- Sửa đổi một số khoản: LTTM phát sinh từ việc hợp nhất kinh doanh không hình thành công ty mẹ - công ty con (mua tài sản thuần), **trừ trừu tượng hợp HNKD dưới sự kiểm soát chung (ghi nhận vào tài khoản 4118)**; các khoản chi phí chờ phân bổ khác không thỏa mãn điều kiện là TSCĐ, như các chi phí khác phát sinh liên quan đến nhiều kỳ, tiền đọc tài liệu khai thác tài nguyên, khoáng sản,...
- Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ TSCĐ liên quan đến hoạt động kinh doanh trong nhiều kỳ kế toán, trừ trừu tượng hợp DN thuê tài sản có nghĩa vụ phải sửa chữa, bảo dưỡng, khôi phục để đưa tài sản về trạng thái như ban đầu.



Kế toán chi phí chờ phân bổ (tiếp)

Về thời gian phân bổ các chi phí chờ phân bổ tùy theo tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ cho phù hợp. (Ví dụ, **đối với chi phí sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ TSCĐ liên quan đến nhiều kỳ kế toán thì thời gian phân bổ dự kiến có thể tính từ khi TSCĐ được sửa chữa bảo dưỡng hoàn thành, đưa vào sử dụng cho đến lần cần sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ sau**; hoặc đối với công cụ, dụng cụ, bao bì luân chuyển, đồ dùng cho thuê liên quan đến hoạt động kinh doanh trong nhiều kỳ kế toán thì thời gian phân bổ có thể là thời gian dự kiến sử dụng hữu ích của công cụ dụng cụ, bao bì luân chuyển hoặc đồ dùng cho thuê,...)

Khi trình bày BCTC thì tách riêng chi phí chờ phân bổ ngắn hạn và dài hạn và không tái phân loại từ chi phí chờ phân bổ dài hạn sang ngắn hạn.

Kế toán dự phòng tổn thất tài sản

1. Về nội dung các khoản dự phòng tổn thất tài sản:

- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác: **bổ sung thêm dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư vào hợp đồng BCC nhưng không đồng kiểm soát và hưởng lợi ích phụ thuộc vào kết quả của BCC.
- Dự phòng nợ phải thu khó đòi: bổ sung thêm dự phòng tổn thất cho các khoản phải thu từ hợp đồng BCC mà DN tham gia đồng kiểm soát và hưởng lợi ích phụ thuộc vào kết quả của BCC.
- Bổ sung thêm dự phòng tổn thất tài sản sinh học (trừ các tài sản sinh học được kế toán là TSCĐ).

2. Về nguyên tắc trích lập dự phòng

- a) Đối với khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: Việc trích lập dự phòng được thực hiện khi có bằng chứng cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của DN có khả năng không thu hồi được.
- b) Đối với dự phòng nợ phải thu khó đòi: Tại thời điểm cuối kỳ kế toán, DN có bằng chứng cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản nợ phải thu bị quá hạn (xét theo kỳ hạn gốc) hoặc khoản nợ không quy định thời hạn hoặc chưa đến hạn nhưng DN khó có khả năng hoặc không có khả năng thu hồi hoặc dự án hợp đồng BCC bị tạm dừng hoặc kéo dài mà không phải do yêu cầu về kỹ thuật, dự án không có khả năng tiếp tục triển khai.

Kế toán dự phòng tổn thất tài sản (tiếp)



- Về mức trích lập dự phòng: DN căn cứ vào thời gian quá hạn khoản nợ phải thu; hoặc DN có bằng chứng tin cậy hơn hoặc phương pháp khác phù hợp hơn khi xác định giá trị có thể thu hồi của khoản nợ phải thu thì có thể áp dụng phương pháp đó để xác định khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi. Mức trích lập như sau:

- ✓ 30% giá trị nếu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
- ✓ 50% giá trị nếu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- ✓ 70% giá trị nếu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- ✓ 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.



Kế toán dự phòng tổn thất tài sản (tiếp)



c) Đối với dự phòng tổn thất tài sản sinh học: doanh nghiệp trích lập khi có bằng chứng cho thấy giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn so với giá gốc của tài sản sinh học. Việc kế toán trích lập và hoàn nhập khoản dự phòng tổn thất tài sản sinh học được thực hiện tương tự như HTK.





Kế toán vay và nợ thuê tài chính



Các chi phí về thủ tục vay (ngoài lãi vay phải trả), như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn, chi phí thu xếp khoản vay,... để tài trợ cho các hoạt động sản xuất kinh doanh trong nhiều kỳ kế toán: doanh nghiệp được được phân bổ dần vào chi phí tài chính theo thời hạn của khoản vay và theo phương pháp đường thẳng hoặc phương pháp lãi suất thực tương tự việc phân bổ chi phí phát hành trái phiếu.



Việc vốn hóa chi phí đi vay phải tuân thủ VAS 16, lưu ý các khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng TSCĐ, BĐSĐT với thời gian dưới 12 tháng. Chi phí đi vay để đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết,... không được vốn hóa.

Kế toán trái phiếu phát hành



1. Trường hợp doanh nghiệp phát hành trái phiếu có lãi suất thả nổi được xác định lại hàng kỳ theo thị trường mà:

- Việc cập nhật lãi suất thả nổi sẽ triệt tiêu được chiết khấu, phụ trội liên quan đến lợi thế/bất lợi của trái phiếu phát hành: Chiết khấu, phụ trội được phân bổ cho giai đoạn từ ngày phát hành tới ngày chốt lãi suất tiếp theo (ngày mà lãi suất danh nghĩa của trái phiếu được xác định theo biến động lãi suất trên thị trường).
- Việc cập nhật lãi suất thả nổi không triệt tiêu được chiết khấu, phụ trội liên quan đến lợi thế/bất lợi của trái phiếu phát hành: Chiết khấu, phụ trội được phân bổ trong suốt thời gian của trái phiếu phát hành.



Kế toán trái phiếu phát hành (tiếp)



2. Chi phí phát hành trái phiếu phải phân bổ cho cả trái phiếu phát hành thành công và không thành công theo số lượng trái phiếu, trong đó:
- Chi phí phát hành phân bổ cho trái phiếu phát hành không thành công (cả trái phiếu thường và trái phiếu chuyển đổi) đều hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ.
 - Chi phí phát hành phân bổ cho trái phiếu thường phát hành thành công được hạch toán vào TK 3431. Đối với trái phiếu chuyển đổi thì phân bổ cho cả cấu phần nợ và cấu phần vốn theo tỷ lệ khoản tiền thu được của mỗi cấu phần để hạch toán vào TK 3431 và 4112.



Kế toán trái phiếu phát hành (tiếp)



3. Chi phí phát hành trái phiếu được trừ vào chỉ tiêu trái phiếu phát hành để trình bày trái phiếu phát hành trên cơ sở thuần trên Báo cáo tình hình tài chính.

-> xác định bằng: trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ (-) Chiết khấu trái phiếu chưa phân bổ cộng (+) Phụ trội trái phiếu chưa phân bổ trừ (-) Chi phí phát hành trái phiếu chưa phân bổ cho trái phiếu phát hành thành công.



Kế toán dự phòng phải trả



Bỏ dự phòng sửa chữa lớn TSCĐ (trừ trường hợp đồng thuê TSCĐ có điều khoản quy định khi kết thúc hợp đồng DN có nghĩa vụ phải sửa chữa, bảo dưỡng, khôi phục để đưa tài sản về trạng thái như ban đầu: DN được trích dự phòng theo VAS 18 và hạch toán tương tự dự phòng hoàn nguyên môi trường).



Dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây dựng: doanh nghiệp trích lập cho từng công trình **trên cơ sở doanh thu dịch vụ xây dựng đã thực hiện trong kỳ** theo quy định của pháp luật về xây dựng, tính vào chi phí bán hàng. Số hoàn nhập dự phòng (nếu có) phản ánh giảm chi phí bán hàng.



Kế toán dự phòng phải trả (tiếp)



DN trích lập dự phòng HĐ có rủi ro lớn khi có những chi phí không thể tránh được buộc phải trả cho các nghĩa vụ liên quan đến HĐ vượt quá lợi ích kinh tế dự tính thu được từ hợp đồng đó.



Tùy theo bản chất khoản dự phòng để DN hạch toán:

- Dự phòng tái cơ cấu doanh nghiệp: Ghi nhận vào CP QLDN.
- Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng, công trình xây lắp: Ghi nhận trích và hoàn nhập vào CPBH (Thông tư 200: tăng ghi nhận vào 627, hoàn nhập ghi nhận là thu nhập khác)
- Dự phòng hợp đồng rủi ro lớn liên quan đến hàng tồn kho: Ghi nhận vào GVHB còn hợp đồng rủi ro lớn khác: Ghi nhận vào chi phí khác.



DN phải TM trên BCTC thông tin về nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới, căn cứ ước tính giá trị (nếu có),... của nghĩa vụ hoàn nguyên môi trường, thu dọn, khôi phục, hoàn trả mặt bằng.

Kế toán Tài sản sinh học



Một số khái niệm:

Tài sản sinh học; Biến đổi sinh học; Hoạt động nông nghiệp; Sản phẩm nông nghiệp.



Phân loại tài sản sinh học:

Gồm tài sản sinh học cho hoạt động nông nghiệp và tài sản sinh học không sử dụng cho hoạt động nông nghiệp, gồm:

(i) Cây trồng, vật nuôi được phân loại là TSCĐ

- Cây lâu năm cho sản phẩm định kỳ (không dùng để lấy gỗ): Là các cây trồng cung cấp sản phẩm nhiều hơn một kỳ kế toán và ít có khả năng được bán dưới dạng sản phẩm nông nghiệp, trừ trường hợp thanh lý đột ngột;

- Vật nuôi làm việc trong vườn thú, phục hoạt động du lịch, tham quan...

(ii) Cây trồng, vật nuôi được kế toán là tài sản sinh học

- Cây trồng để lấy sản phẩm một lần (ví dụ các loại cây lấy gỗ hoặc vừa lấy gỗ vừa cho sản phẩm như cây cao su); cây trồng theo mùa vụ hàng năm (ví dụ ngô, lúa, mì, khoai, rau,...);

- Súc vật nuôi lấy thịt, sản phẩm một lần (cá, lợn, bò, gà,... nuôi lấy thịt) hoặc súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ (ví dụ bò sữa, gà lấy trứng, cừu lấy lông cừu, tôm giống, gà giống, cá giống, lợn giống,...)

Kế toán tài sản sinh học: Nguyên tắc phân bổ chi phí

Quy định về ghi nhận giá gốc và phân bổ chi phí cho tài sản sinh học mới

Khi TSSH mẹ bắt đầu cho sản phẩm hoặc sinh ra TSSH khác: Giá gốc của TSSH mới phải bao gồm phần chi phí chăm sóc phát sinh trong kỳ và chi phí khấu hao của TSSH mẹ.

Việc phân bổ chi phí cần căn cứ đặc điểm, tính chất và yêu cầu quản lý của DN; phương pháp đã chọn phải áp dụng nhất quán và thuyết minh trên BCTC.

Kế toán tài sản sinh học: Quy tắc trích lập và chi phí

1 Nếu có dấu hiệu tổn thất hoặc giá trị thuần có thể thực hiện thấp hơn giá ghi sổ thì DN phải trích lập dự phòng tổn thất tài sản tính vào GVHB.

Trích lập khi có dấu hiệu giảm giá trị hoặc tổn thất

2 Chi phí phát sinh không tạo ra hoặc không liên quan đến TSSH cụ thể được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Phân loại chi phí chung không liên quan trực tiếp đến TSSH

3 DN tổ chức quản lý, theo dõi chi tiết và kế toán TSSH phù hợp với đặc điểm từng loại.

Quản lý và theo dõi theo đặc thù từng loại tài sản sinh học



Kế toán Tài sản sinh học (tiếp)



Trình bày BCTC:

(1) Đối với vật nuôi:

- Vật nuôi sử dụng cho hoạt động nông nghiệp: Tài sản sinh học ngắn hạn hoặc dài hạn;
- Vật nuôi không sử dụng cho hoạt động nông nghiệp: súc vật làm việc (các con vật được nuôi trong rạp xiếc để biểu diễn xiếc, nuôi trong vườn thú để cho khách tham quan, chó nghiệp vụ được nuôi để thực hiện các nhiệm vụ theo yêu cầu,...): TSCĐ.

(2) Đối với cây trồng

- Cây trồng dài ngày cho sản phẩm, cây cảnh và không lấy gỗ: TSCĐ;
- Cây trồng lấy gỗ, vừa cho sản phẩm vừa lấy gỗ, cây trồng ngắn ngày thu hoạch cả cây như cây lương thực trình bày là tài sản sinh học ngắn hạn hoặc dài hạn.

Thuyết minh thông tin về từng loại TSSH trên BCTC; Và việc phân loại thực tế cần căn cứ đặc điểm, tính chất và cách thức thu hồi lợi ích kinh tế.

Kế toán vốn chủ sở hữu

Quy định về định giá tài sản góp vốn và tài sản vô hình



Việc định giá tài sản phi tiền tệ nhận vốn góp phải tuân thủ quy định của pháp luật DN; nghiêm cấm kê khai khống vốn điều lệ hoặc định giá tài sản góp vốn không đúng giá trị.



Góp vốn bằng tài sản vô hình như thương hiệu, nhãn hiệu, quyền khai thác... thực hiện theo quy định của pháp luật doanh nghiệp và pháp luật về sở hữu trí tuệ.



Quản lý vốn chủ sở hữu cho doanh nghiệp khởi nghiệp



Nhận vốn góp của DN khởi nghiệp sáng tạo: Căn cứ thỏa thuận, hợp đồng để xác định, hạch toán khoản vốn đã nhận là nợ phải trả hoặc vốn chủ sở hữu theo quy định kế toán.

Xác định loại khoản vốn dựa trên thỏa thuận và hạch toán theo quy định.



Quản lý, sử dụng nguồn/quỹ thuộc vốn đầu tư chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận thực hiện theo quy định pháp luật doanh nghiệp và pháp luật liên quan.

Tuân thủ pháp luật doanh nghiệp khi sử dụng và phân phối lợi nhuận.

Kế toán vốn chủ sở hữu: phát hành cổ phiếu

Hạch toán phát hành cổ phiếu
huy động vốn: DN không là công
ty đại chúng ghi tăng vốn góp
tương ứng với số tiền thu về

Ghi tăng vốn góp khi DN không
thuộc công ty đại chúng

DN là công ty đại chúng khi
nhận tiền ở tài khoản phong
tỏa ghi nhận là khoản phải trả
và chỉ ghi tăng vốn góp khi
được cấp Giấy chứng nhận
đăng ký DN

Tiền phong tỏa là khoản phải
trả, vốn góp được ghi khi có
GCN

DN phải trình bày trên TMBCTC
về giao dịch phát hành cổ phiếu
đang thực hiện hoặc đã kết thúc
nhưng chưa nhận GCN để ghi
tăng vốn góp

Yêu cầu trình bày trên thuyết
minh báo cáo tài chính

Kế toán vốn chủ sở hữu: phát hành cổ phiếu (tiếp)

Nguyên tắc ghi nhận khi trả cổ tức và trả lại vốn góp

Khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc dùng vốn chủ sở hữu để tăng vốn: DN ghi giảm **LNS TCPP** và tăng vốn khác của CSH tại thời điểm phát hành; khi được cấp GCN DN mới ghi tăng vốn góp của CSH.

Ghi sổ tại thời điểm phát hành và khi nhận giấy chứng nhận

Trả lại vốn góp bằng tài sản phi tiền tệ: Giá trị căn cứ theo **giá trị hợp lý** của tài sản phi tiền tệ hoặc giá thỏa thuận các bên thống nhất.

Đánh giá theo fair value hoặc thỏa thuận giữa các bên

Kế toán vốn chủ sở hữu: Xử lý chi phí phát hành

Hướng dẫn hạch toán chi phí phát hành và chuyển khoản liên quan

1

Chi phí phát hành cổ phiếu tương ứng với cổ phiếu không phát hành được hạch toán vào **chi phí tài chính**; chi phí phát hành tương ứng với cổ phiếu phát hành thành công hạch toán vào **thặng dư vốn (4112)**.

Phân biệt hạch toán theo kết quả phát hành

2

Số dư TK 441 (quỹ xây dựng cơ bản) và TK 466 (quỹ phúc lợi) (nếu có) đã kết chuyển sang **TK 4118** (vốn khác); DN báo cáo chủ sở hữu hoặc cơ quan có thẩm quyền để quyết định xử lý và hạch toán phù hợp.

Kết chuyển dư các tài khoản liên quan sang TK 4118



Quy tắc phân chia Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối



Việc phân chia lợi nhuận phải đảm bảo rõ ràng, rành mạch và tuân thủ cơ chế tài chính hiện hành hoặc quy định pháp luật liên quan.



Khi phân phối lợi nhuận, DN cần cân nhắc các khoản phi tiền tệ nằm trong LNSTCPP có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, như: lãi do đánh giá lại tài sản góp vốn, đánh giá lại khoản mục tiền tệ ngoại tệ, đánh giá lại công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác



Quyền xử lý cổ tức của cổ phiếu ưu đãi



Đối với cổ phiếu ưu đãi: DN phân loại khoản cổ tức theo bản chất của cổ phiếu ưu đãi là nợ phải trả hay vốn chủ sở hữu để ghi nhận khoản cổ tức tương ứng

Phân loại quyết định phương pháp ghi nhận cổ tức



Nếu cổ phiếu ưu đãi được phân loại là nợ phải trả thì DN không ghi nhận cổ tức phải trả cho cổ phần ưu đãi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Cổ tức không xuất từ lợi nhuận giữ lại



Nếu cổ phiếu ưu đãi được phân loại là vốn chủ sở hữu thì khoản cổ tức ưu đãi phải trả được kế toán tương tự như cổ tức cổ phiếu phổ thông.

Ghi nhận như cổ tức cho cổ đông

Khi nào cổ phiếu ưu đãi được xem là nợ phải trả

Tiêu chí phân loại theo điều khoản phát hành và nghĩa vụ thanh toán

Cổ phiếu ưu đãi là nợ nếu có điều khoản bắt buộc mua lại hoặc nghĩa vụ thanh toán không thể từ chối

- Cổ phiếu ưu đãi được phân loại là nợ phải trả nếu hồ sơ phát hành có điều khoản bắt buộc mua lại
- Cổ phiếu ưu đãi được phân loại là nợ phải trả nếu hồ sơ phát hành có điều khoản bắt buộc mua lại
- Hoặc bên phát hành không thể từ chối nghĩa vụ thanh toán khi các điều kiện thỏa mãn

Cổ phiếu ưu đãi là nợ nếu có nghĩa vụ trả cổ tức cố định hoặc chuyển đổi không xác định

- Cổ phiếu ưu đãi là nợ nếu có điều khoản bắt buộc phải trả cổ tức ở tỷ lệ cố định
- Tỷ lệ cổ tức không phụ thuộc kết quả kinh doanh
- Hoặc có điều khoản chuyển đổi không xác định tỷ lệ chuyển đổi cố định

Kế toán doanh thu

Nguyên tắc phân bổ và ghi nhận doanh thu theo fair value

- Doanh thu ghi nhận theo nghĩa vụ thực hiện và được phân bổ theo giá trị hợp lý của từng nghĩa vụ cung cấp hàng hóa, dịch vụ, bao gồm hàng hóa/dịch vụ tặng kèm.

- Khi có giao dịch phát sinh cả nghĩa vụ hiện tại và tương lai (như bán hàng kèm bảo hành, dịch vụ kèm theo), doanh nghiệp phải phân bổ tổng giá trị hợp đồng (transaction price) cho từng nghĩa vụ riêng biệt theo giá trị hợp lý (fair value) của chúng, và ghi nhận doanh thu khi từng nghĩa vụ được thực hiện (chuyển giao quyền kiểm soát), không phải toàn bộ khi nhận tiền hoặc giao hàng ban đầu

Xác định vai trò chủ thể hay đại lý trong ghi nhận doanh thu

Dựa trên bản chất hợp đồng và quyền kiểm soát để xác định thời điểm ghi nhận

- Hướng dẫn xác định vai trò DN là chủ thể hay đại lý căn cứ bản chất hợp đồng và cam kết với khách hàng để xác định thời điểm hoàn thành nghĩa vụ và ghi nhận doanh thu.

Xác định dựa trên hợp đồng và cam kết để biết khi nào hoàn thành nghĩa vụ.

- DN là chủ thể nếu trực tiếp cung cấp HHDV và có quyền kiểm soát HHDV; DN là đại lý nếu đóng vai trò trung gian, bên khác cung cấp và kiểm soát HHDV.

Phân biệt dựa trên quyền kiểm soát và nhà cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Kế toán doanh thu từ các khoản đặc biệt

Quy định về khoản thu hộ và xử lý chi phí BĐS khi phát sinh doanh thu

- Doanh thu không bao gồm các khoản thu hộ bên thứ ba như ủng hộ nhân đạo hoặc thanh toán cho hàng hóa, dịch vụ do bên thứ ba cung cấp khi DN thu thay nhưng không phải thu cho DN.

Phân biệt rõ khoản thu hộ và doanh thu của doanh nghiệp.

- Không quy định DN là chủ đầu tư kinh doanh BĐS khi chưa có đầy đủ hồ sơ chứng từ chi phí liên quan nhưng đã phát sinh doanh thu nhượng bán BĐS; DN có thể trích trước một phần chi phí để tạm tính giá vốn hàng bán đối với BĐS bàn giao cho khách hàng.

Cho phép trích trước chi phí tạm tính để xác định giá vốn khi cần.

Phân bổ doanh thu cho thuê nhận trước

- 1 Doanh thu cho thuê nhận tiền trước phải phân bổ phù hợp với thời hạn cho thuê

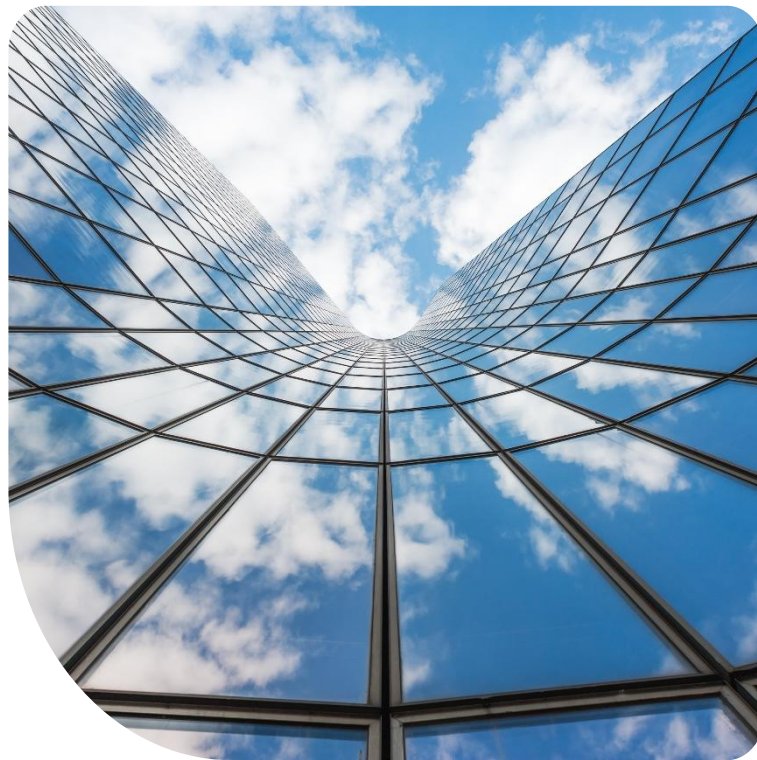
Phân bổ theo thời hạn thực tế của hợp đồng thuê

- 2 Đối với hợp đồng có nhiều cấu phần, DN căn cứ điều khoản hợp đồng để ghi nhận doanh thu tương ứng từng cấu phần

Ghi nhận riêng cho mỗi cấu phần theo điều khoản hợp đồng

- 3 Thuyết minh trên TMBCTC về cách phân bổ và các cấu phần doanh thu

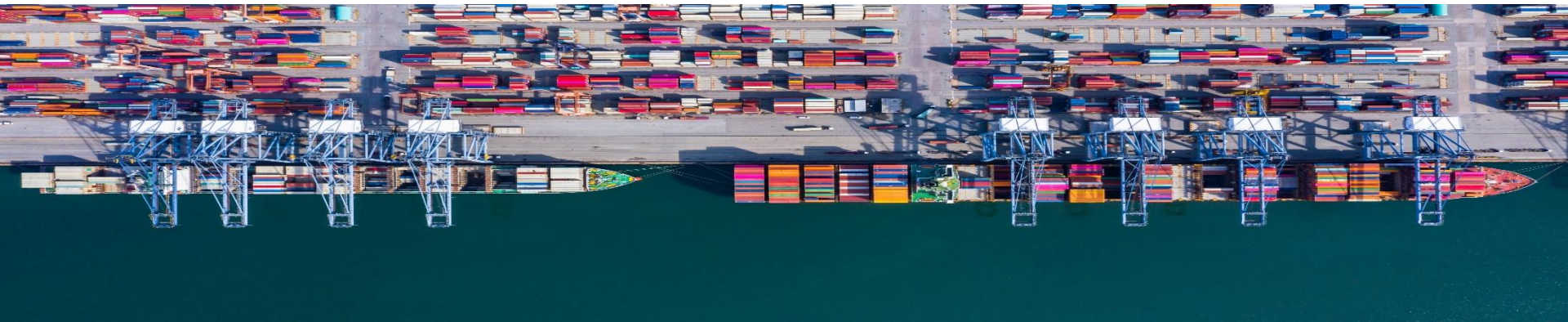
Công khai phương pháp phân bổ trên thuyết minh báo cáo tài chính



Xác định cấu phần doanh thu theo bản chất hợp đồng

Đối với công trình như căn hộ du lịch, căn hộ văn phòng kết hợp lưu trú: DN căn cứ bản chất điều khoản hợp đồng, chuẩn mực kế toán Việt Nam và chế độ kế toán doanh nghiệp để xác định cấu phần bán, cấu phần thuê, cấu phần tài chính và áp dụng chính sách kế toán phù hợp; phải thuyết minh trên BCTC về chính sách và bản chất hợp đồng.

Giữ nguyên nội dung gốc: xác định cấu phần và thuyết minh trên BCTC.



Doanh thu hoạt động tài chính

Hướng dẫn phân bổ lợi nhuận và xác định giá bán khi chuyển nhượng



Ước tính lãi dồn tích: Nhà đầu tư căn cứ thông tin khoản đầu tư và tình hình tài chính của đơn vị nhận đầu tư để ước tính lãi dồn tích trước ngày mua, làm cơ sở phân bổ cổ tức/lợi nhuận cho giai đoạn trước và sau ngày đầu tư.

Ước tính dựa trên thông tin khoản đầu tư và tình hình tài chính.



Khi nhượng bán khoản đầu tư nhận tài sản phi tiền tệ thì giá bán tính theo giá trị hợp lý tương tự giao dịch bán/trao đổi tài sản phi tiền tệ.

Giá bán được xác định theo fair value như giao dịch tương tự.



Xử lý cổ tức bằng cổ phiếu và tăng vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc hạch toán khi vốn chủ sở hữu thay đổi

- Khi nhà đầu tư nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc khi đơn vị nhận đầu tư tăng vốn bằng vốn chủ sở hữu, DN không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư tương ứng với doanh thu tài chính mà chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm hoặc giá trị phần vốn tăng trên TMBCTC.
- Đối với DNNN, nếu có quy định khác thì thực hiện theo pháp luật dành cho DNNN.

Không ghi doanh thu tài chính; theo dõi số lượng cổ phiếu hoặc giá trị vốn trên TMBCTC.



Các nguồn thu nhập khác của doanh nghiệp



Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật, cổ phần, phần vốn góp tại DN khác của các tổ chức, cá nhân tặng cho DN, trừ khoản hỗ trợ/tài trợ được ghi tăng vốn đầu tư theo quyết định có thẩm quyền.



Gồm quà tặng tiền, hiện vật, cổ phần, phần vốn góp; loại trừ hỗ trợ ghi tăng vốn.



Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ nợ hoặc đã xác định là không phải trả nợ.



Các khoản nợ vô được xác định chủ hoặc không phải trả tiếp tục được ghi nhận là thu nhập.



Khi có khả năng chắc chắn thu được tiền phạt vi phạm hợp đồng, DN phải xét bản chất khoản tiền phạt để hạch toán phù hợp.



Xác định bản chất khoản tiền phạt trước khi ghi nhận vào thu nhập.

Khoản thu nhập khác liên quan đến tiền phạt hợp đồng

Đối với bên bán: Khoản tiền phạt vi phạm hợp đồng thu được từ bên mua nằm ngoài giá trị hợp đồng được ghi nhận là **thu nhập khác**.

Tiền phạt bên bán nhận được được phân loại ngoài doanh thu hợp đồng.

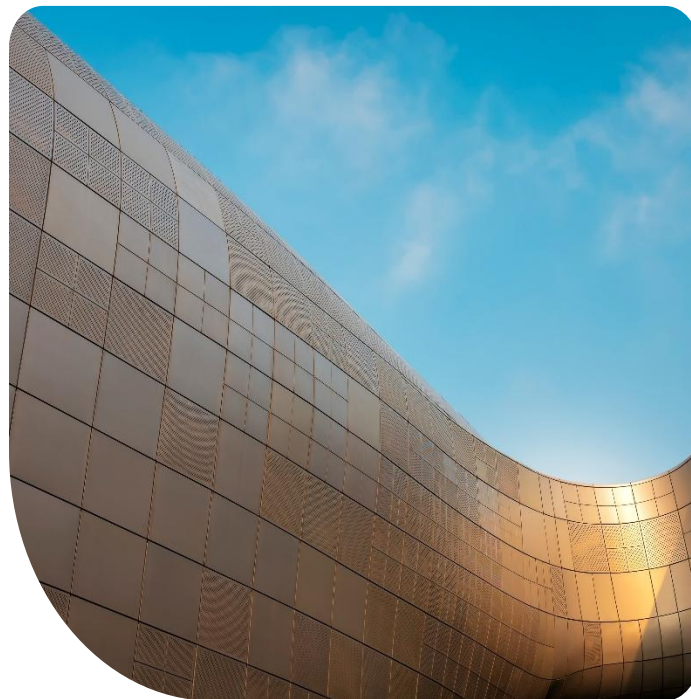
Đối với bên mua: Khoản tiền phạt thu từ bên bán nằm ngoài giá trị hợp đồng được ghi nhận là **thu nhập khác**, trừ khi người mua vẫn nhận hàng và người bán chấp nhận giảm trừ số tiền phạt vào số tiền phải thanh toán thì giá mua được ghi nhận theo số thực tế phải thanh toán sau khi trừ khoản tiền phạt.

Ngoại trừ khi tiền phạt được khấu trừ vào giá mua thực tế.



Khoản thu nhập khác liên quan đến tài sản phi tiền tệ được tặng, biếu

Trường hợp DN được tài trợ, biếu, tặng tài sản phi tiền tệ hoặc cổ phần mà chưa có thông tin về giá trị thì có thể xác định giá trị căn cứ vào giá thị trường hoặc giá theo đánh giá của Hội đồng đánh giá tài sản của DN hoặc tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp; DN phải thuyết minh căn cứ xác định giá trị trên BCTC.





Kế toán chi phí: Nguyên tắc phù hợp và thận trọng trong ghi nhận chi phí



Ghi chi phí khi có khả năng chắc chắn và tương ứng với doanh thu.

Bổ sung nguyên tắc phù hợp doanh thu-chi phí: Ghi nhận chi phí liên quan khi có khả năng chắc chắn phát sinh để đảm bảo nguyên tắc thận trọng và bảo toàn vốn; khi DN ghi nhận doanh thu thì phải ghi nhận chi phí tương ứng có liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó.



Ưu tiên phản ánh trung thực theo bản chất giao dịch và chuẩn mực.

Nếu nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng thì DN căn cứ bản chất giao dịch và chuẩn mực để phản ánh giao dịch trung thực, hợp lý.

Kế toán chi phí: Điều chỉnh phân loại và ghi nhận chi phí tài chính

Bổ sung vào TK 632 giá vốn của tài sản sinh học (trừ cây lâu năm cho sản phẩm định kỳ và súc vật làm việc) và khoản trích lập dự phòng hợp đồng có rủi ro lớn liên quan bán hàng tồn kho.

Ghi nhận giá vốn và dự phòng liên quan hàng tồn kho sinh học

Bổ sung vào TK 635 phần chênh lệch giữa giá mua lại trước hạn trái phiếu cao hơn giá trị ghi sổ của trái phiếu; quy định phân bổ chi phí đi vay phù hợp với kỳ hạn và ghi nhận vào chi phí tài chính.

Ghi nhận chênh lệch mua lại và phân bổ chi phí vay theo kỳ hạn.

Khoản cổ tức phải trả cho cổ phiếu ưu đãi phân loại là nợ phải trả được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Cổ tức ưu đãi (nợ phải trả) hạch toán vào chi phí tài chính.

Lưu ý về thuế TNDN toàn cầu và phương pháp quản lý hàng tồn kho



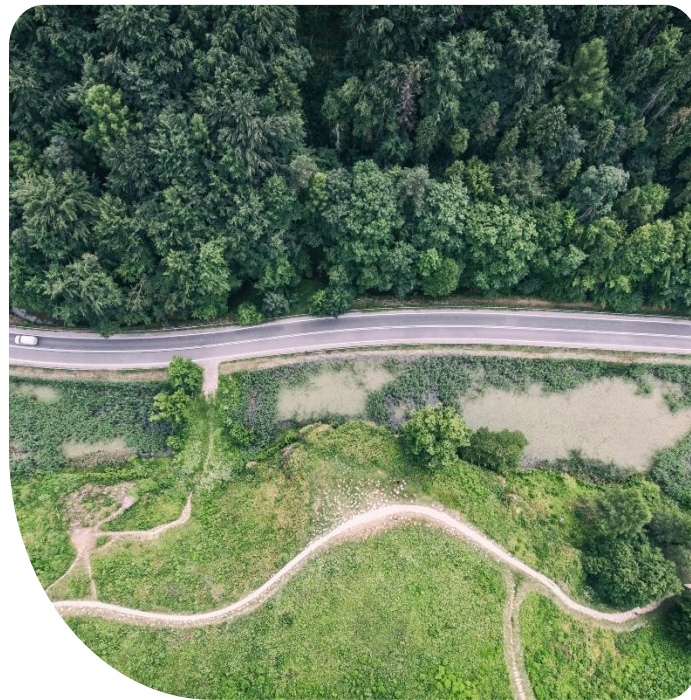
Bổ sung hướng dẫn **chi phí thuế TNDN** liên quan quy định về thuế tối thiểu toàn cầu theo từng đơn vị và lưu ý thời điểm phát sinh nghĩa vụ thuế, thời điểm kê khai và thời điểm quyết toán thuế.

Hướng dẫn chi tiết cho từng đơn vị; xác định mốc thời gian kê khai và quyết toán.



Bỏ TK 611; DN căn cứ đặc điểm, tính chất, số lượng, chủng loại hàng tồn kho và điều kiện quản lý để xác định phương pháp xuất kho áp dụng nhất quán giữa các kỳ kế toán.

Xác định phương pháp xuất kho phù hợp và áp dụng liên tục giữa các kỳ.



Các điểm cập nhật về Báo cáo tài chính

Điều khoản chuyển tiếp

TT99/2025/TT-BTC

Thực hiện việc thay đổi chính sách kế toán do áp dụng lần đầu các quy định của pháp luật hoặc Chuẩn mực kế toán Việt Nam

không có hướng dẫn chuyển đổi cụ thể

Áp dụng phương pháp điều chỉnh phi hồi tố

có hướng dẫn chuyển đổi cụ thể

Áp dụng theo hướng dẫn, có thể là điều chỉnh hồi tố, Phi hồi tố hoặc Hồi tố đơn giản

(Điều chỉnh hồi tố đơn giản là phương pháp tính toán ảnh hưởng lũy kế tại ngày đầu tiên của kỳ kế toán lần đầu áp dụng chính sách kế toán mới và điều chỉnh các khoản mục tương ứng tại ngày đầu tiên của kỳ kế toán áp dụng).

Hướng dẫn khi áp dụng lần đầu Thông tư này

Nhà đầu tư mua trái phiếu có phát sinh các khoản chiết khấu hoặc phụ trội trái phiếu, vẫn chưa đến hạn tại thời điểm hiệu lực của Thông tư này thì được lựa chọn áp dụng phương pháp **điều chỉnh hồi tố** hoặc **điều chỉnh hồi tố đơn giản**

Doanh nghiệp **đang trích trước** chi phí sửa chữa lớn TSCĐ nhưng hoạt động sửa chữa **chưa thực hiện** thì không tiếp tục trích trước. Khi hoạt động sửa chữa được thực hiện thì kết chuyển chi phí thực tế phát sinh với số đã trích trước, số CL phân bổ dần vào CPSXKD từng kỳ

Trường hợp doanh nghiệp có CLTG phát sinh khi chuyển đổi đồng tiền hạch toán hiện đang trình bày trên Bảng cân đối kế toán ở chỉ tiêu Chênh lệch đánh giá lại tài sản (TK412) thì chuyển sang Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, đồng thời thuyết minh rõ về lý do và những ảnh hưởng đối với Báo cáo tài chính.

Quy định về sửa đổi bổ sung báo cáo tài chính

TT200/2014/TT-BTC

Không có hướng dẫn

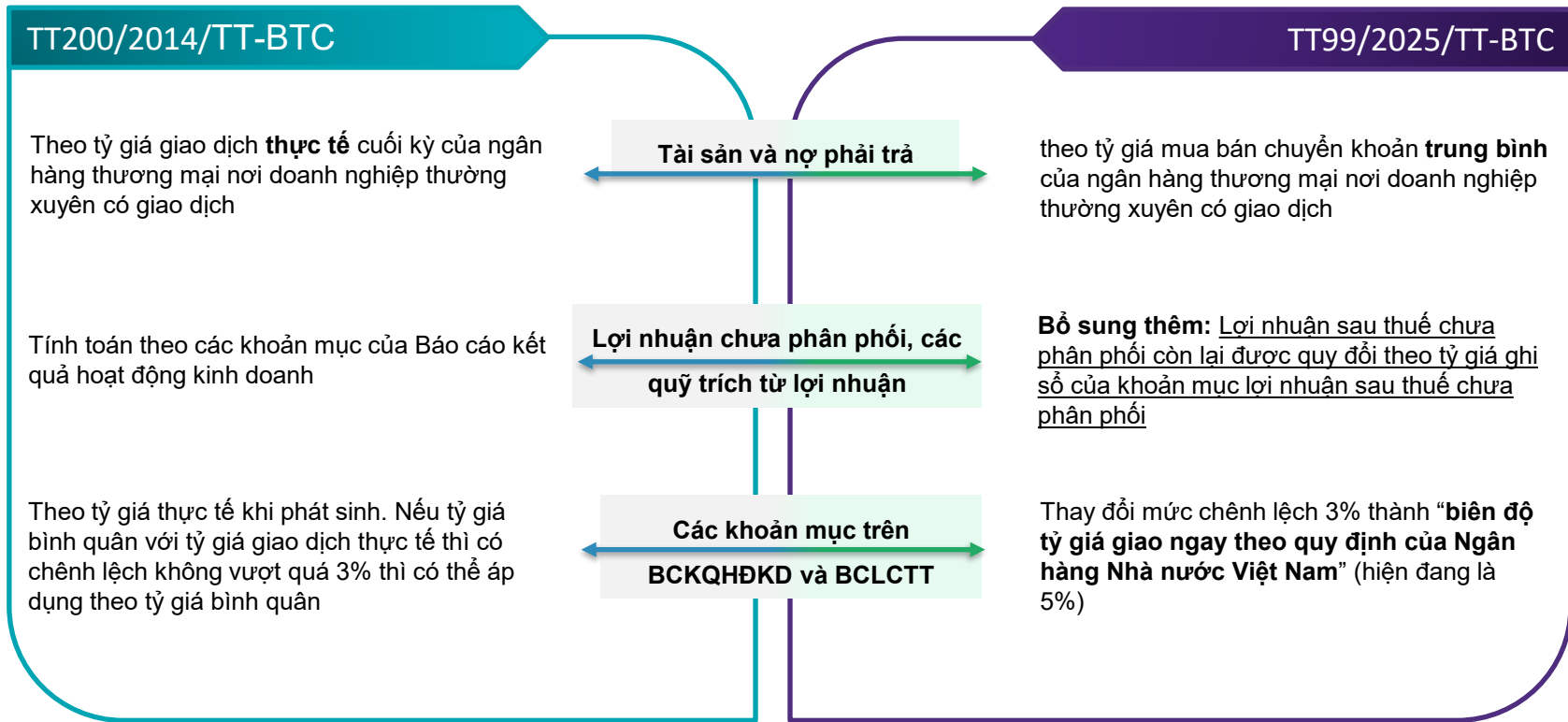
TT99/2025/TT-BTC

Được phép, Doanh nghiệp được bổ sung thêm các chỉ tiêu hoặc sửa đổi theo hướng chi tiết thêm thông tin các chỉ tiêu của BCTC và cần đáp ứng các yêu cầu:

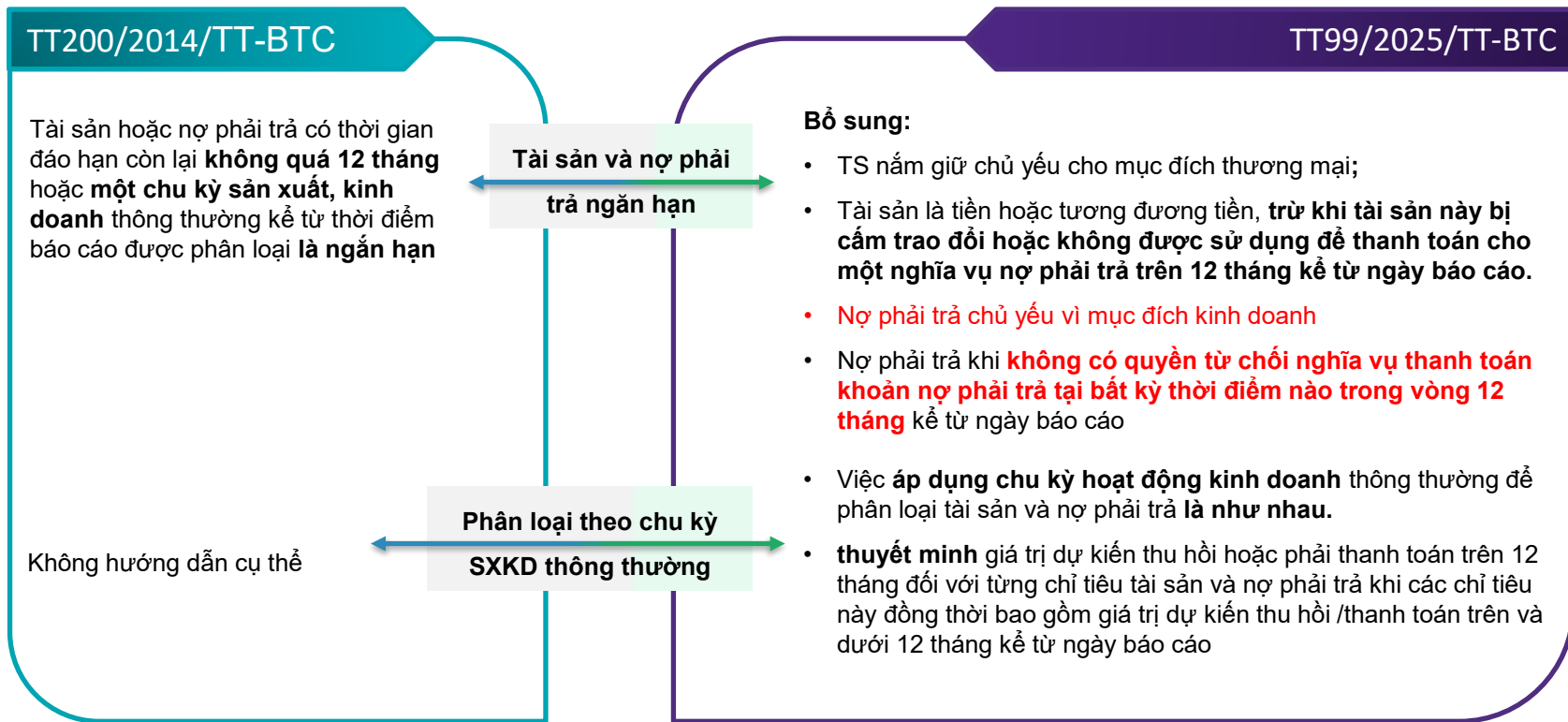
- đảm bảo quy định của Luật Kế toán và tuân thủ các nguyên tắc lập và trình bày BCTC.
- thuyết minh trên BCTC những nội dung đã sửa đổi
- ban hành Quy chế hạch toán kế toán cụ thể sự bổ sung và nêu rõ sự cần thiết của việc bổ sung đó

Trường hợp DN không thể bổ sung thêm hoặc cần sửa đổi các chỉ tiêu của BCTC thì báo cáo Bộ Tài chính để được hướng dẫn

Nguyên tắc chuyển đổi BCTC từ ngoại tệ sang VNĐ



Nguyên tắc phân loại tài sản, nợ phải trả



Một số sửa đổi về biểu mẫu

Đối với Báo cáo tình hình tài chính của DN đáp ứng giả định hoạt động liên tục



- ✓ Khoản tiền và tương đương tiền bị giới hạn sử dụng sẽ được chuyển sang trình bày ở **Tài sản ngắn hạn khác và tài sản dài hạn khác**.
- ✓ **Bỏ** chỉ tiêu Cho vay trong Các khoản nợ phải thu, các khoản cho vay sẽ trình bày ở chỉ tiêu Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (ngắn hạn và dài hạn)
- ✓ **Bổ sung** chỉ tiêu Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (ngắn hạn và dài hạn)
- ✓ **Bổ sung** chỉ tiêu Đầu tư ngắn hạn khác và Dự phòng tổn thất đầu tư ngắn hạn khác.

Đối với Báo cáo tình hình tài chính của DN đáp ứng giả định hoạt động liên tục (tiếp theo)

- ✓ **Bổ sung** nhóm chỉ tiêu về Tài sản sinh học ngắn hạn/dài hạn
- ✓ **Bổ sung** chỉ tiêu Thuế và các khoản phải nộp nhà nước dài hạn;
- ✓ **Bổ sung** chỉ tiêu Phải trả cổ tức, lợi nhuận.
- ✓ **Bổ** các chỉ tiêu Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp; Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản, nguồn kinh phí và nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ chuyển số dư sang chỉ tiêu Vốn khác của CSH.



Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh



Bổ sung chỉ tiêu Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý BĐSĐT (trình bày theo số thuần). Theo đó, chỉ tiêu doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ & giá vốn hàng bán **không bao gồm** doanh thu & giá vốn bán BĐSĐT.



Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Đổi tên một số chỉ tiêu như Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư thành Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính; Tiền lãi vay đã trả thành Chi phí đi vay đã trả,...

Lưu ý về Thuyết minh Báo cáo tài chính

Thuyết minh BCTC

- Các loại tỷ giá áp dụng;
- Nguyên tắc kế toán tài sản sinh học;
- Cơ sở xác định giá trị hợp lý một số tài sản;
- Căn cứ trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng;
- Thuyết minh thông tin về hợp đồng BCC ;
- Thuyết minh phương pháp phân bổ các khoản chiết khấu, phụ trội;
- Phần giá trị các tài sản đang nắm giữ nhưng bị giới hạn sử dụng;
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước dài hạn;
- Nợ phải trả trên và dưới 12 tháng khi phân loại theo chu kỳ kinh doanh thông thường
- Nghĩa vụ hoàn nguyên môi trường;
- Các sự kiện hoặc điều kiện chính làm phát sinh nghi ngờ đáng kể về khả năng tiếp tục hoạt động của doanh nghiệp;



Liên hệ

Nguyễn Dịch Dũng

Giám đốc

Dịch vụ Kiểm toán và Đảm bảo

M +84 915 104 070

E Dichdung.nguyen@vn.gt.com



Đặng Ngô San Tùng

Giám đốc

Dịch vụ Kiểm toán và Đảm bảo

T +84-975 400 380

E Tung.Dang@vn.gt.com



Nguyễn Công Vinh

Giám đốc

Dịch vụ Kế toán và Tư vấn Giải pháp Doanh nghiệp

ĐT +84-974 163 084

E vinh.nguyen@vn.gt.com

